

Bản án số: 13/2021/HS-PT

Ngày: 17 - 3 - 2021.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương và ông Nguyễn Đức Thủy.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 17/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo Đinh Thị L và Trịnh Thế P do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

*- Các bị cáo bị kháng nghị:*

**1. Đinh Thị L** - sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ dân phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Phó Trưởng phòng, Phòng Hành chính Nhân sự - Công ty Cổ phần Xi măng T; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Tiến G và bà Đinh Thị L; có chồng Lê Mạnh T và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2020 đến ngày 15/5/2020 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Trịnh Thế P** - sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc - Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Máy tính P; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Hữu A và bà Phạm Thị T; có vợ Phạm Thị Lệ H và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 08/02/2014, bị Công an xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng nghị:

+ Bị hại: Công ty Cổ phần Xi măng T; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Văn T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Bích L - chức vụ: Phó Tổng giám đốc; vắng mặt không có lý do.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phạm Thị Lệ H- sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Anh Phạm Trung K- sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1992; nơi cư trú: xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

4. Chị Lê Thị Bích N - sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

5. Anh Đinh Bảo L - sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn P, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Công ty Cổ phần Xi măng T (sau đây gọi là Công ty T) có địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam tiếp nhận và ký hợp đồng lao động với Đinh Thị L vào làm việc tại Phòng Hành chính Nhân sự, với chức vụ Phó Phòng Hành chính nhân sự; được phân công nhiệm vụ quản lý vật tư văn phòng phẩm, phụ trách mua, cấp phát vật tư hành chính Công ty T,... Đến năm 2016, thì Đinh Thị L được giao nhiệm vụ làm thủ kho vật tư hành chính văn phòng phẩm.

Ngày 18/12/2019, Công ty T ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Máy tính P (sau đây gọi là Công ty P) có địa chỉ tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Ninh Bình, do Trịnh Thế P làm Giám đốc, về việc cung ứng máy tính, máy văn phòng, thời hạn hợp đồng từ ngày 18/12/2019 đến hết ngày 31/12/2020.

Ngày 11/3/2020, Công ty T có đơn đặt hàng mua của Công ty P 60 hộp mực máy phô tô loại MP3055 với đơn giá 1.620.000đ/01 hộp; ngày 13/3/2020, tiếp tục đặt mua 30 hộp mực máy phô tô Fuji V4070 với đơn giá 1.680.000đ/01 hộp.

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Đinh Thị L nảy sinh ý định chiếm đoạt một số hộp mực trong đơn đặt hàng để hưởng lợi. Sau khi có đơn đặt hàng của Công ty T, trong quá trình trao đổi thỏa thuận với P qua điện thoại, L nói với P “cho chị gửi lại 20 hộp, có gì nói chuyện sau”. Hiểu ý L bảo P bớt lại 20 hộp

mực khi giao hàng, song trong phiếu giao hàng vẫn ghi đủ số lượng như trong đơn đặt hàng, do nề L là người đại diện của khách hàng nên P đồng ý. Sau khi nhận được đơn đặt hàng, P sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo của vợ là chị Phạm Thị Lệ H liên lạc với tài khoản mạng xã hội Zalo của anh Lê Tuấn A là Giám đốc Công ty TNHH Máy văn phòng T&D Việt Nam (sau đây gọi là Công ty T&D) có địa chỉ tại số 3, ngõ 198 đường L, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội, đặt mua 30 hộp mực FujiV4070 và 55 hộp mực loại MP3055. Cũng trong ngày 11/3/2020, sau khi nhận được 05 hộp mực loại MP3055 do Công ty T&D chuyển đến, P điều khiển xe ô tô BKS 35A-057.51 mang số hộp mực này đến Công ty T giao cho L để làm mẫu cho Công ty T dùng thử.

Đến ngày 19/3/2020, Công ty T&D tiếp tục chuyển 30 hộp mực máy phô tô loại Fuji V4070 cho P. Sau khi nhận được hàng, P đóng 20 hộp mực máy phô tô loại Fuji V4070 có dán tem của Công ty T&D vào trong một thùng catton dán kín, còn lại 10 hộp mực P bớt lại cất giấu trong kho của Công ty P. Sau đó, P thuê xe ô tô tải của một người nam giới (P không nhớ tên tuổi, địa chỉ) để vận chuyển số mực này cùng một số mặt hàng khác đến Công ty T, đồng thời bảo vợ là chị Phạm Thị Lệ H cũng là kế toán của Công ty P viết phiếu giao hàng. Bản thân chị H không bàn bạc, không biết P bớt lại 10 hộp mực máy phô tô loại Fuji V4070, nên chị H căn cứ vào đơn đặt hàng lập 02 phiếu giao hàng trong đó có nội dung HMOV4070, số lượng 30 hộp và ký vào mục “Thủ kho”.

Sau đó, P xếp hộp catton đựng 20 hộp mực cùng với một số mặt hàng khác lên xe ô tô tải rồi cùng với lái xe, chị H vận chuyển đến Công ty T giao hàng cho L. Khi đến cổng Công ty T, chị Phạm Thị Lệ H xuống xe cầm theo 02 tờ phiếu giao hàng đưa cho kế toán cổng Công ty T là chị Nguyễn Thị H rồi nói: “*chị giao hàng bên Tuấn P cho chị L*”. Chị Nguyễn Thị H liền gọi điện thoại báo cho L biết thì L nói: “*em cho vào đi*”. Chị Nguyễn Thị H ra xe ô tô để kiểm tra số lượng hàng thực tế so với phiếu giao hàng, tuy nhiên do số lượng hàng nhiều nên mọi người thống nhất đưa hàng vào kho rồi tiến hành kiểm tra. Sau đó, tại kho vật tư hành chính ở tầng 02 khu văn phòng Công ty T, chị Nguyễn Thị H, Đinh Thị L và Trịnh Thế P làm thủ tục giao, kiểm hàng văn phòng phẩm, còn chị Phạm Thị Lệ H quay lại xe ô tô tải ngồi đợi. Khi kiểm đếm đến thùng catton chứa các hộp mực loại Fuji V4070, do đã bàn bạc với P từ trước, biết trong thùng catton không có đủ số lượng hộp mực như trong phiếu giao hàng, để tránh bị phát hiện, L nói với chị Nguyễn Thị H: “*hàng này chị mang xuống Tổng, em đừng bóc ra*” thì chị H đồng ý, đóng dấu “Đã vào cổng”, đồng thời ký tên vào 02 phiếu giao hàng của Công ty P rồi đưa cho L. L ký tên xác nhận vào 02 phiếu giao hàng ở mục người mua hàng, đưa lại cho P một phiếu, còn L giữ một phiếu. Sau đó, L lập biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa với số lượng 30 hộp mực loại Fuji V4070 đủ theo phiếu giao hàng của Công ty P với nhân viên kỹ thuật của Công ty T là anh Đinh Bảo L, rồi lập phiếu nhập kho làm thủ tục nhập hàng vào kho vật tư hành chính của công ty Công ty T. Còn 10 hộp mực bớt lại, theo P khai bán cho một số người, P không nhớ tên tuổi địa chỉ.

Ngày 30/3/2020, Công ty T&D tiếp tục chuyển cho P 50 hộp mực loại MP3055 có dán tem của Công ty T&D. Sau khi nhận được hàng, P để lại 05 hộp mực ra cất giấu trong kho Công ty P, còn lại 45 hộp mực P cho vào 05 thùng catton trong đó có một thùng đựng đủ 10 hộp, 04 thùng còn lại mỗi thùng chỉ đựng từ 07 đến 08 hộp mực, còn 05 hộp mực lẻ P để bên ngoài. Trong quá trình P dán các thùng catton lại thì nhân viên của Công ty P là anh Phạm Trung K giúp P dán, đóng gói, song anh K không biết số lượng cụ thể số hộp mực trong mỗi thùng là bao nhiêu. Sau đó, P xếp số thùng catton này lên xe ô tô tải P thuê của một người nam giới (P không nhớ tên tuổi, địa chỉ) để vận chuyển số mực này cùng với một số mặt hàng khác. Để tránh bị bộ phận kế toán công của Công ty T phát hiện, P xếp thùng catton đựng đủ 10 hộp mực MP3055 ở vị trí phía bên ngoài cùng với 5 hộp lẻ, còn 4 thùng catton còn lại P đặt bên trong cùng với các loại hàng khác. Cũng như các lần giao hàng trước đó, căn cứ đơn đặt hàng, chị Phạm Thị Lệ H lập 02 phiếu giao hàng trong đó mã hàng MP3055 với số lượng 55 hộp. Sau đó, P cùng với chị Phạm Thị Lệ H và lái xe ô tô tải đi giao hàng cho Công ty T. Khi qua cổng Công ty T, chị H xuống xe đưa 02 phiếu giao hàng cho kế toán công ty là chị Lê Thị Bích N, thì chị N gọi điện báo cho L biết. L đồng ý nhận hàng nên chị N cùng với chị Nguyễn Thị H ra xe ô tô kiểm hàng. Lúc này, do số lượng hàng hóa nhiều và có nhiều mặt hàng giống nhau nên chị H, chị N chỉ mở thùng catton phía bên ngoài ra kiểm tra thấy bên trong đựng 10 hộp mực loại MP3055 nên không mở các thùng catton còn lại để kiểm tra mà chỉ đếm số lượng thùng catton nhân với 4 và cộng với 05 hộp lẻ bên ngoài. Thấy số lượng phù hợp với phiếu giao hàng nên chị Nguyễn Thị H đưa phiếu giao hàng cho chị N, chị N đóng dấu “Đã vào cổng” đồng thời ký tên vào phiếu giao hàng rồi đưa lại cho chị Phạm Thị Lệ H và cho xe ô tô tải đi vào bên trong để giao hàng cho L. Do đã thỏa thuận từ trước, biết P đã rút bớt số hộp mực loại MP3055 ra, song L vẫn ký xác nhận vào 02 phiếu giao hàng rồi đưa lại cho P 01 phiếu để sau này thanh toán với Công ty T. Đến ngày 01/4/2020, L lập biên bản giao nhận, nghiệm thu số Lọng, chủng loại hàng hóa với số lượng hộp mực MP3055 như trong phiếu giao hàng với anh Đinh Bảo L, sau đó xin chữ ký xác nhận của lãnh đạo công ty rồi lập phiếu nhập kho.

Sau khi giao hàng cho L xong, đến ngày 06/4/2020, P gửi trả lại 5 hộp mực loại MP3055 cho Công ty T&D.

Sau khi nhập hàng xong, L đã làm phiếu xuất kho và giao cho Thư ký Chủ tịch tập đoàn T là chị Nguyễn Thị N 02 hộp mực loại Fuji V4070 để sử dụng cho máy phô tô văn phòng Chủ tịch, giao cho kế toán của mỏ Thung Dục Công ty T là chị Quyền Thị L 01 hộp mực loại MP3055 để sử dụng cho máy phô tô trong mỏ Thung Dục và giao cho kế toán Cung điện T là chị Phạm Thị Hải Y 05 hộp mực loại MP3055 để sử dụng máy phô tô văn phòng Cung điện T.

Đến ngày 09/5/2020, sau khi biết được thông tin Công ty T sẽ kiểm tra, thống kê vật tư văn phòng phẩm, lo sợ bị phát hiện và thấy việc làm của mình là

sai trái nên L gọi điện thoại bảo P mang vào Công ty T 10 hộp mực loại Fuji V4070 và 10 hộp mực loại MP3055 giao cho L để bù vào kho vật tư văn phòng phẩm nhằm khắc phục hậu quả. Ngày 10/5/2020, P liên hệ với Công ty T&D đặt mua 10 hộp mực Fuji V4070 và 10 hộp mực MP3055. Do P yêu cầu cung cấp hàng ngay, nên chiều ngày 10/5/2020 sau khi nhận hàng từ Công ty Đông Á, Công ty T&D chuyển 20 hộp mực các loại cho P mà chưa dán tem của Công ty T&D, trong đó 10 hộp mực loại V4070 không có dán tem nhãn hiệu của nhà cung cấp, 10 hộp mực MP3055 dán tem của Công ty Đông Á đề ngày 10/5/2020. Đến khoảng 08 giờ ngày 11/5/2020, sau khi nhận được số hộp mực trên do Công ty T&D chuyển đến, P điều khiển xe ô tô BKS 35A-057.51 chở số mực này cùng một số túi mực G7 mang đến Công ty T. Khi đến cổng Công ty T, P điện thoại cho L ra đón. L liên lạc điện thoại nói với bảo vệ cổng của Công ty T là cho P vào để sửa giường để tránh bị phát hiện, thì bảo vệ cổng của Công ty T đã cho ô tô của P đi vào. Sau khi qua cổng, P mang số hộp mực trên để ở trước cửa kho nhà 8 tầng của Công ty T. Sau đó, lao công của công ty là bà Nguyễn Thị H giúp L mang các hộp mực trên để vào trong kho.

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 11/5/2020, Công ty T tiến hành kiểm tra vật tư kho văn phòng hành chính và kho nhà 8 tầng, phát hiện: tại kho văn phòng hành chính có 18 hộp mực loại V4070 dán tem “BOE” (do nhà phân phối là Công ty T&D cung cấp), 10 hộp mực loại V4070 không dán tem nhãn hiệu của nhà cung cấp, 44 hộp mực loại MP3055 có dán tem của nhà cung cấp là Công ty T&D, còn tại kho nhà 8 tầng có 10 hộp mực loại MP3055 có dán tem “Đông Á, 10/5/2020”. Do phát hiện có 10 hộp mực loại V4070 và 10 hộp mực loại MP3055 không đúng với thông số kỹ thuật khi đặt hàng và số lượng nhập, xuất kho, hàng tồn không phù hợp, nên Công ty T đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

*\* Vật chứng thu giữ:* 10 hộp mực máy phô tô loại V4070 không có dán tem nhãn hiệu của nhà cung cấp và 10 hộp mực máy phô tô loại MP3055 có dán tem “Đông Á 10/5/2020”; 39 túi mực loại G7 và một số tài liệu, giấy tờ có liên quan do đại diện Công ty T tự nguyện giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S do Đinh Thị L tự nguyện giao nộp; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA BKS 35A-057.51 kèm theo giấy tờ của xe ô tô này, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 do Trịnh Thế P tự nguyện giao nộp.

Ngoài ra, Cơ quan CSĐT Công an huyện trích xuất hình ảnh camera có liên quan đến vụ án và được sao lưu, lưu trữ trong 01 USB, niêm phong theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đinh Thị L, Trịnh Thế P; quá trình khám xét thu giữ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty P cùng một số tài liệu, giấy tờ khác có liên quan đến vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự số 14/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận: “Giá tiền 01 hộp mực máy phô tô loại DC4070 là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng). Vậy tổng giá trị 10 hộp mực máy phô tô loại DC4070 là 9.000.000đ (chín triệu đồng). Giá tiền 01 hộp mực máy phô tô loại Ricoh MP3055 là 1.310.000đ (một triệu ba trăm mười nghìn đồng). Vậy tổng giá trị 10 hộp mực máy phô tô loại Ricoh MP3055 là 13.100.000đ (mười ba triệu một trăm nghìn đồng)”.

\* *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 10 hộp mực Fuji V4070, 10 hộp mực MP3055 cho Công ty T; trả lại 01 xe ô tô BKS 35A-057.51 và giấy tờ xe cho Trịnh Thế P.

Đối với 39 túi mực G7: quá trình điều tra đến nay Đinh Thị L xác định trong quá trình sử dụng túi mực G7 các phòng, ban khác của Công ty T vay, mượn, đổi hàng lỗi để sử dụng cho các máy phô tô, máy in trong công ty nhưng không ký tên trả phiếu xuất kho nên bị thiếu hụt. Do vậy, ngày 10/5/2020 và ngày 11/5/2020, L đặt mua thêm 39 túi mực G7 từ P để mang vào kho của công ty dự trữ, khi nào cần thì sử dụng. L dùng tiền của cá nhân để mua, đồng thời căn cứ Biên bản kiểm tra kho ngày 11/5/2020 của Công ty T thì số lượng nhập, xuất, hàng tồn kho đối với mực túi G7 đủ so với thống kê thực tế. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tách ra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau khi có căn cứ.

Đối với 01 (một) USB và các giấy tờ, tài liệu khác đã thu giữ có liên quan đến vụ án cũng như một số giấy tờ khác Trịnh Thế P có quan điểm không nhận lại nên được lưu trong hồ sơ vụ án. Riêng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty P là giấy tờ hợp pháp của Công ty P nên Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Công ty P.

\* *Về trách nhiệm dân sự*: Công ty T không yêu cầu Đinh Thị L và Trịnh Thế P phải bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353, các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 65, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị L và Trịnh Thế P phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị L 21 (Hai mươi một) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/01/2021).

Xử phạt bị cáo Trịnh Thế P 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo;

thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/01/2021).

Giao bị cáo Đinh Thị L cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Trịnh Thế P cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSTL ngày 28/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Kháng nghị phần tội danh của Bản án số 03/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Nam.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng tuyên bố các bị cáo Đinh Thị L, Trịnh Thế P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên tòa:* Giữ nguyên quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T; sửa phần tội danh của Bản án sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng tuyên bố các bị cáo Đinh Thị L và Trịnh Thế P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm và không có ý kiến tranh luận gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có yêu cầu, đề nghị gì.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong thời hạn luật định; nội dung bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 336 của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy, kháng nghị là hợp lệ, được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Về hành vi: Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã xác định. Lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để kết luận: Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc được ký giữa Công ty T với Công ty P, ngày 11/3/2020 và ngày 13/3/2020, Công ty T có đơn đặt hàng đặt mua 60 hộp mực máy phô tô loại MP3055 và 30 hộp mực máy phô tô loại Fuji V4070 của Công ty P. Tại thời điểm này, Đinh Thị L giữ chức vụ Phó Trưởng phòng - Phòng Hành chính Nhân sự; được phân công nhiệm vụ quản lý vật tư văn phòng phẩm, phụ trách mua, cấp phát vật tư hành chính và là thủ kho vật tư hành chính văn phòng phẩm của Công ty T. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, Đinh Thị L đã bàn bạc, câu kết với Trịnh Thế P chiếm đoạt 10 hộp mực máy phô tô loại V4070 và 10 hộp mực máy phô tô loại MP3055, có tổng giá trị là 33.000.000 đồng (trị giá theo đơn đặt hàng) của Công ty T mà L có trách nhiệm quản lý.

Về tội danh:

Theo Điều lệ của Công ty T thì Công ty T không có phần vốn góp của Nhà nước. Căn cứ khoản 8 Điều 4 và Điều 110 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì Công ty T không phải là doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 3 Luật phòng chống tham nhũng quy định:

“9. *Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước* (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước và tổ chức, đơn vị khác do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp phát toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động, do Nhà nước trực tiếp quản lý hoặc tham gia quản lý nhằm phục vụ nhu cầu phát triển chung, thiết yếu của Nhà nước và xã hội.

10. *Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước* là doanh nghiệp, tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.”

Như vậy, bất kỳ doanh nghiệp, tổ chức nào không thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật phòng chống tham nhũng thì đều là doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

Điều 2 Nghị quyết số 03/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ quy định:

“1. “*Cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 352 của Bộ luật Hình sự bao gồm cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước và doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước.

2. “*Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước*” là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật Phòng, chống tham nhũng, bao gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức, đơn vị khác do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp phát toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động, do Nhà nước trực tiếp quản lý hoặc tham gia quản lý nhằm phục vụ nhu cầu phát triển chung, thiết yếu của Nhà nước và xã hội.

3. “*Doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước*” quy định tại các điều 353, 354, 364 và 365 của Bộ luật Hình sự là doanh nghiệp, tổ chức không thuộc trường hợp hướng dẫn tại khoản 2 Điều này.”

Căn cứ khoản 6 Điều 353 Bộ luật hình sự, Điều 3 Luật phòng chống tham nhũng và Điều 2 Nghị quyết số 03/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ thì hành vi nêu trên của các bị cáo Đinh Thị L và Trịnh Thế P đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Như vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định tuyên bố các bị cáo Đinh Thị L và Trịnh Thế P phạm tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng tuyên bố các bị cáo Đinh Thị L, Trịnh Thế P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Hà Nam; giữ nguyên phần quyết định về tội danh của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Nam.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị L và Trịnh Thế P phạm tội “Tham ô tài sản”.

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo Đinh Thị L và Trịnh Thế P không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Tòa án huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Hải**